

BỘ TƯ PHÁP
Số: 01/2004/TT-BTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2004

THÔNG TƯ

Về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật

Căn cứ Nghị định số 62/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Nhằm bảo đảm thi hành thống nhất Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số vấn đề sau đây:

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Các văn bản được kiểm tra và xử lý theo quy định tại Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2003/NĐ-CP) bao gồm:

1.1. Văn bản quy phạm pháp luật:

- Quyết định, Chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ;
- Thông tư liên tịch giữa các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Thông tư liên tịch giữa bộ, cơ quan ngang bộ với Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các cấp;
- Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân các cấp.

1.2. Văn bản có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quy phạm pháp luật và văn bản do cơ quan không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP, bao gồm:

a. Văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp có chứa quy phạm pháp luật nhưng không được ban hành bằng hình thức văn bản quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân;

b. Văn bản có thể thức và nội dung như văn bản quy phạm pháp luật (ví dụ: quyết định, chỉ thị, thông tư, nghị quyết), văn bản có thể thức không phải là văn bản quy phạm pháp luật nhưng có chứa quy phạm pháp luật (ví dụ: công văn, thông báo, quy chế, điều lệ, chương trình, kế hoạch và các hình thức khác) do cơ quan, cá nhân không có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ban hành: Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ban hành hoặc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ban hành (bao gồm cả văn bản có thể thức và nội dung như trên được ký thừa lệnh).

2. Nội dung kiểm tra văn bản là kiểm tra sự phù hợp của văn bản được kiểm tra với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; sự phù hợp của hình thức văn bản với nội dung văn bản đó; sự phù hợp của nội dung văn bản với thẩm quyền của cơ quan ban hành văn bản đó. Cụ thể là:

2.1. Căn cứ pháp lý làm cơ sở ban hành văn bản quy phạm pháp luật (điểm a và điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 135/2003/NĐ-CP) là văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên đang có hiệu lực tại thời điểm ban hành văn bản đó, bao gồm:

a. Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan ban hành văn bản;

b. Văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về vấn đề thuộc đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản.

2.2. Văn bản quy phạm pháp luật ban hành đúng thẩm quyền gồm thẩm quyền về hình thức và thẩm quyền về nội dung:

a. Thẩm quyền về hình thức: Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 1996 đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2002 (sau đây gọi chung là Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật), cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản chỉ được ban hành văn bản đúng hình thức (tên gọi) văn bản quy phạm pháp luật mà Luật đã quy định cho cơ quan, người có thẩm quyền đó được ban hành (xem điểm 1.1. của Mục này).

b. Thẩm quyền về nội dung: Cơ quan, người có thẩm quyền chỉ được ban hành các văn bản có nội dung phù hợp với thẩm quyền của mình được pháp luật cho phép hoặc đã được phân công, phân cấp. Thẩm quyền này được xác định trong các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quản lý nhà nước cụ thể của từng cơ quan, từng cấp, từng ngành đối với từng lĩnh vực.

2.3. Nội dung của văn bản phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành:

a. Quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ phải phù hợp với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và quyết định, chỉ thị, Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ khác về lĩnh vực do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ đó quản lý;

b. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phải phù hợp với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ

trường cơ quan ngang bộ (sau đây gọi chung là văn bản của các cơ quan nhà nước trung ương).

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp huyện phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước Trung ương và văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước trung ương, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và huyện;

c. Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước trung ương và còn phải phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước trung ương, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và còn phải phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân cấp xã phải phù hợp với văn bản của các cơ quan nhà nước trung ương, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, huyện và còn phải phù hợp với nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp;

d. Văn bản được kiểm tra phải phù hợp với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập. Đối với văn bản được kiểm tra điều chỉnh những vấn đề đã được quy định tại điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc gia nhập thì điều ước quốc tế đó cũng là cơ sở pháp lý để kiểm tra văn bản đó.

2.4. Văn bản được kiểm tra phải được trình bày đúng thể thức, kỹ thuật theo quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị định số 135/2003/NĐ-CP và quy định của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

2.5. Thủ tục xây dựng, ban hành và đăng Công báo, đưa tin hoặc công bố văn bản được kiểm tra phải tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật. Trường hợp phát hiện văn bản được kiểm tra có nội dung trái pháp luật thì cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phải xem xét thủ tục xây dựng và ban hành văn bản để làm cơ sở cho việc xác định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản

trái pháp luật cũng như cơ quan, người có trách nhiệm tham mưu, đề xuất nội dung trái pháp luật và kiến nghị xử lý theo thẩm quyền.

3. Cơ sở pháp lý để xác định nội dung trái pháp luật của văn bản được kiểm tra là những văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra theo quy định tại Chương III "Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật và nguyên tắc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật" của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cục Kiểm tra văn bản thuộc Bộ Tư pháp, tổ chức pháp chế các bộ, ngành, cơ quan tư pháp địa phương có trách nhiệm giúp Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thường xuyên và kịp thời rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra văn bản để làm cơ sở pháp lý phục vụ cho công tác kiểm tra văn bản.

3.1. Văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn văn bản được kiểm tra là văn bản do cơ quan nhà nước cấp trên của cơ quan có văn bản được kiểm tra ban hành mà nội dung của văn bản được kiểm tra đó phải phù hợp theo hướng dẫn tại điểm 2.3 của Mục này.

Ví dụ: đối với quyết định, chỉ thị, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, thì văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước, nghị quyết, nghị định của Chính phủ, quyết định, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập; đối với quyết định; chỉ thị của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là văn bản do các cơ quan nhà nước trung ương ban hành, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; đối với quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân huyện, thì văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là văn bản do các cơ quan nhà nước trung ương ban hành, các điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập, văn bản của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp; đối với quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân xã, thì văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn là văn bản do các